

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ;

Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Y tế công cộng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN NGỌC ANH

2. Ngày tháng năm sinh: 04/7/1971; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN:

4. Quê quán: Xã Thanh Đình, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ (nay là: xã Thanh Đình, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): P12A02 nhà A1, chung cư Vinaconex1, 289A Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Ngọc Anh, Phòng 320, Nhà A7, Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0975752999;

E-mail: anhnn@hmu.edu.vn hoặc ngocanh0407hmu@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 5 năm 1996 đến tháng 9 năm 2009: Giảng viên Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp,
Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

Từ tháng 10 năm 2009 đến tháng 9 năm 2010: Giảng viên và Phó trưởng bộ môn Sức khỏe
nghề nghiệp, Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 2 năm 2012: Giảng viên chính và Phó trưởng bộ môn
Sức khỏe nghề nghiệp, Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên

Từ tháng 3 năm 2012 đến tháng 5 năm 2013: Giảng viên khoa Khoa học Sức khỏe,
Trường Đại học Thăng Long, Hà Nội

Từ tháng 6 năm 2013 đến nay: Giảng viên chính Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Viện Đào
tạo YHDP và YTCC, ĐHYHN. Từ tháng 8 năm 2014 – nay : Phó trưởng Bộ môn Sức
khỏe nghề nghiệp, Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y
Hà Nội

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Sức khỏe nghề nghiệp, Viện Đào tạo Y học dự phòng
và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Nhà A7, Trường Đại học Y Hà Nội, Số 1 Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà
Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 24 38523798; Địa chỉ E-mail: daihocyhn@hmu.edu.vn; Fax: +84
24 38525115

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết
hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 9 năm 1994; số văn bằng: 88832; ngành: Y học
chuyên ngành: Bác sỹ chuyên khoa vệ sinh dịch tễ ; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại
học Y Bắc Thái, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 12 năm 2003; số văn bằng: 0015; ngành: Y học;
chuyên ngành: Y học dự phòng; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Thái Nguyên,
Việt Nam

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 05 năm 2009; số văn bằng: 06222; ngành: Y học; chuyên ngành: Vệ sinh xã hội học và tổ chức y tế (Y học dự phòng); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Quân Y, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở: Trường Đại học Y Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- 1) Các yếu tố, điều kiện lao động nơi làm việc ảnh hưởng sức khỏe người lao động.
- 2) Các yếu tố cá nhân, phúc lợi, dịch vụ y tế và sức khỏe.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 08 HVCH/ BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/BSNT

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp nhà nước; chủ nhiệm 1 đề tài nhánh cấp nhà nước và chủ nhiệm 09 đề tài cấp cơ sở

- Đã công bố 80 bài báo/ báo cáo khoa học, trong đó 80 bài (13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín).

- Số lượng sách đã xuất bản 03, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín (nhà xuất bản Y học)

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau 26 làm giảng viên và 12 năm tham gia hướng dẫn học viên sau đại học tại trường Đại học Y Dược Thái Nguyên và Trường Đại học Y Hà Nội, cũng như tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi tự đánh giá mình theo các tiêu chuẩn của nhà giáo được qui định trong Luật Giáo dục như sau:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Với vai trò của một nhà giáo, tôi luôn ý thức phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao bao gồm: nhiệm vụ giảng dạy cho các đối tượng đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, tự học tập nâng cao trình độ, hoàn thiện bản thân trong giảng dạy và công tác. Trong các năm qua, tôi luôn cố gắng học tập nâng cao trình độ, trau dồi năng lực chuyên môn cả trong lý thuyết và thực hành lâm sàng bệnh viện, thực hành trong labo, kỹ năng giảng dạy cũng như năng lực nghiên cứu để hỗ trợ cho kiến thức của bản thân và truyền đạt cho sinh viên, học viên trong các bài giảng. Kết quả của các hoạt động đó được thể hiện qua những bài giảng về lý thuyết và thực hành lâm sàng, thực hành labo trong lĩnh vực Sức khỏe nghề nghiệp, Phương pháp Nghiên cứu khoa học cho sinh viên, học viên sau đại học. Số giờ giảng hàng năm của tôi luôn vượt số giờ qui định. Đồng thời tôi đã hướng dẫn tốt nghiệp thành công cho nhiều sinh viên, 8 HVCH/BSNT bảo vệ thành công luận văn đã được cấp bằng, 1 nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án tiến sỹ, đang chờ cấp bằng; hiện tại tôi đang hướng dẫn cho 05 học viên sau đại học khác. Trong suốt quá trình công tác tôi cũng đã xuất bản được 13 bài báo khoa học quốc tế và 67 bài báo trong nước, tham gia 11 đề tài các cấp (thành viên chính 1 đề tài nhà nước, chủ nhiệm 1 đề tài nhánh của đề tài nhà nước và chủ nhiệm 9 đề tài cơ sở); và tham gia viết 03 tài liệu giảng dạy (01 tài liệu là đồng chủ biên).

Là một giảng viên, tôi luôn rèn luyện phẩm chất nhà giáo song hành với việc nâng cao trình độ chuyên môn, giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự nhà giáo; thực hiện các nghĩa vụ của một giáo viên với trách nhiệm và nhiệt tình cao nhất. Tôi thường xuyên ủng hộ, thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia đóng góp nhiệt tình cho các hoạt động từ thiện ủng hộ đồng bào những nơi bị thiên tai; thực hiện mọi nghĩa vụ của một công dân; tuân thủ mọi quy định của pháp luật, các quy định của Ngành và của Nhà trường. Tôi luôn nhất quán trong ngôn từ và hành động trong đóng góp vì sự phát triển chung của Nhà trường và chuyên ngành Y học dự phòng – Y tế công cộng tại Việt Nam. Ngoài ra, tôi luôn nhận được sự hỗ trợ của các đồng nghiệp đi trước, luôn hỗ trợ tận tình cán bộ trẻ trong việc nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy, nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 26 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017		1	1	1	149	153	302/ 311,9/ 272
2	2017-2018			2	1	168	176	344/ 318,7/ 272
3	2018-2019			2	1	254	408	662/ 564,2/ 272
03 năm học cuối								
4	2019-2020			2	2	329	263	592/ 581,2/ 272
5	2020-2021			1	1	269	284	533/ 564,8/ 272
6	2021-2022			3	1	312	364	676/ 555,6/ 263,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.....

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Viện Đại học Mở Hà Nội. số bằng: A 190048; năm cấp: 2009

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng Đại học (Bằng thứ 2).....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Viết Thị Dương		x	x		2015-2016	ĐH Y Hà Nội	25/01/2017
2	Nguyễn Thuỳ Trang		x	x		2017-2018	ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
3	Lê Thanh Huyền		x	x		2016-2017	ĐH Y Hà Nội	11/01/2018
4	Nguyễn Thị Phương Thảo		x	x		2017-2018	ĐH Y Hà Nội	03/12/2018
5	Đặng Phương Linh		x	x		2018-2019	ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
6	Thân Đức Mạnh		x	x		2018-2019	ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
7	Tạ Thị Kim Nhung		x	x		2017-2019	ĐH Y Hà Nội	16/12/2019
8	Trần Thị Kim Duyên		x		x	2019-2021	ĐH Y Hà Nội	28/02/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS (năm 2009)						
1	Sức khỏe nghề nghiệp (Giáo trình đào tạo sau đại học)	GT	NXBYH 2017	06	x	279 - 321; 346 - 366	4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
2	Bệnh nghề nghiệp (Giáo trình đào tạo sau đại học)	GT	NXBYH 2017	17		188 - 235; 250 - 260; 268 - 278; 373 - 389	4793/QĐ-ĐHYHN ngày 26/10/2017
3	Sức khỏe nghề nghiệp (Giáo trình đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng)	GT	NXBYH 2018	5		77 - 109; 219 - 257	3867/QĐ-ĐHYHN ngày 01/8/2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
2					
...					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đặc điểm các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động và bệnh nghề nghiệp của người lao động trực tiếp ở công ty CP supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao 2014-2016	CN	Đề tài cơ sở	12/2016-9/2017	11/01/2018; Xuất sắc
2	Thực trạng các công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc ở một số khu công nghiệp thuộc 5 tỉnh phía bắc Việt Nam	CN	Đề tài cơ sở	6/2018-6/2019	25/1/2019; Xuất sắc
3	Thực trạng một số yếu tố liên quan đến trầm cảm, lo âu, stress ở điều dưỡng Bệnh viện Phụ sản trung ương năm 2017 - 2018	CN	Đề tài cơ sở	6/2018-6/2019	25/1/2019; Xuất sắc

4	Thực trạng bệnh hô hấp và một số yếu tố liên quan của người lao động tiếp xúc trực tiếp với bụi silic ở tỉnh Thái Nguyên năm 2018	CN	Đề tài cơ sở	2018-2019	21/11/2019; Xuất sắc
5	Thực trạng sử dụng công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc ở một số làng nghề miền Bắc Việt Nam năm 2018 và một số yếu tố liên quan	CN	Đề tài cơ sở	2018-2019	21/11/2019; Xuất sắc
6	Thực trạng mắc bệnh phổi silic ở người lao động trực tiếp sản xuất xi măng ở Hải Dương và một số yếu tố liên quan	CN	Đề tài cơ sở	10/2019-6/2020	25/3/2021; Xuất sắc
7	Thực trạng môi trường lao động và chức năng hô hấp của người lao động luyện kim ở Thái Nguyên năm 2019	CN	Đề tài cơ sở	10/2019-6/2020	25/3/2021; Xuất sắc
8	Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán sớm bụi phổi silic tại Việt Nam	CN	Đề tài nhánh đề tài nhà nước; Mã số KC10.33/16-20	2018-2021	19/3/2021; Xuất sắc
9	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học phân tử, yếu tố nguy cơ và ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán sớm bệnh bụi phổi silic tại Việt Nam	TG	Mã số KC10.33/16-20 Đề tài nhà nước	2018-2021	08/6/2021; Đạt
10	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhân bụi phổi silic điều trị tại Bệnh viện Phổi Trung	CN	Đề tài cơ sở	12/2020-7/2021	13/12/2021; Xuất sắc

	ương, 2019-2020				
11	Thực trạng chỉ số TLC và DLCO ở người lao động làm việc trực tiếp trong môi trường có bụi silic	CN	Đề tài cơ sở	12/2020-7/2021	13/12/2021; Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu CO ₂ ở môi trường không khí và sức khoẻ người sống trong kiểu nhà hình ống	3	✓	Tạp chí Khoa học, công nghệ - Đại học Thái Nguyên (ISSN 1859-2171, 2374-9098)			Tập 24, số 4, trang 62-69	12/2002
2	Thực trạng sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật ở người trồng rau TP Thái Nguyên	3		Tạp chí Khoa học, công nghệ - Đại học Thái Nguyên (ISSN 1859-2171, 2374-9098)			Tập 24, số 4, trang 77-84	12/2002
3	Môi trường lao động và bệnh bụi phổi silic trong công nhân khai thác than nội địa ở Thái Nguyên	2	✓	Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 13, số 1, trang 88-94	2003
4	An toàn và vệ sinh lao động trong tiếp xúc với hoá chất bảo vệ thực vật ở khu vực chuyên	2		Báo cáo toàn văn Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ I			Lần thứ V, trang 105-115	11/2003

	canh rau TP Thái Nguyên							
5	Đặc điểm bệnh bụi phổi-silic trong công nhân khai thác than ở Thái Nguyên	1	✓	Báo cáo toàn văn Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ I		1	Trang 333-342	11/2003
6	Bệnh bụi phổi – silic trong công nhân một số ngành nghề ở Thái Nguyên	2		Báo cáo toàn văn Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ I			Trang 393-399	11/2003
7	Đặc điểm lâm sàng một số bệnh nhiễm độc nghề nghiệp	2	✓	Bảo hộ lao động (ISSN: 1859-4646)			Số 1, trang 24-26	01/2004
8	Một số bệnh nghề nghiệp thường gặp trong công nghệ luyện kim ở Thái Nguyên	3		Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)			Số 11, trang 68-70	11/2004
9	Một số đặc điểm bệnh lý của người trồng rau ở Thái Nguyên	3		Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)			Số 12, trang 59-61	12/2004
10	Thực trạng môi trường lao động và sức khỏe bệnh tật ở công nhân mỏ than Na Dương Lạng Sơn	3		Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836)			Tập 15 số 6, trang 65-69	2005
11	Môi trường và sức khỏe của nông dân tiếp xúc với hóa chất bảo vệ thực vật tại khu vực chuyên canh rau	3		Báo cáo toàn văn Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ II			Trang 121-127	11/2005
12	Bệnh viêm phế quản trong công nhân luyện thép Thái Nguyên	3		Báo cáo toàn văn Hội nghị khoa học quốc tế Y học lao động và vệ sinh môi trường lần thứ II			Trang 390-396	11/2005

13	An toàn sức khỏe của nông dân tiếp xúc với hóa chất bảo vệ thực tại khu vực chuyên canh rau	2		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 317, số 12, trang 35-42	12/2005
14	Thực trạng bệnh viêm phế quản và kiến thức, thực hành trong phòng chống viêm phế quản nghề nghiệp của công nhân nhà máy luyện thép Lưu Xá-Thái Nguyên	3	✓	Y dược học quân sự (ISSN: 1859-1655)		1	Tập 31, trang 192-198	2006
15	Thực trạng chức năng hô hấp trên công nhân khai thác mỏ tại Bắc Cạn	2	✓	Hội nghị khoa Y học lao động và vệ sinh môi trường			Trang 86-90	4/2007
16	Hiệu quả bước đầu của biện pháp can thiệp bằng an toàn vệ sinh lao động trong phòng chống bệnh viêm phế quản ở công nhân luyện kim Thái Nguyên	3	✓	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 339, số 1, trang 40-44	10/2007
17	Occupational safety and health in metalurgical technology of Vietnam and intervention's effect	2		APOSHO 23 Conference & Exhibition (Conference Proceeding)			Lần 23, trang 221-230	10/2007
18	Đánh giá sự chấp nhận của công nhân luyện kim ở Thái Nguyên đối với khẩu trang phòng bụi KB-821	2	✓	Tạp chí bảo hộ lao động (ISSN: 1859-4646)			Số 11, trang 13-15	11/2007
19	Đánh giá hiệu quả của biện pháp can	2	✓	Tạp chí bảo hộ lao động (ISSN: 1859-			Số 3, trang 21-24	3/2008

	thiếp đến chức năng hô hấp ở công nhân luyện cán thép mắc viêm phế quản mạn			4646)				
II	Sau khi được công nhận TS							
Bài báo quốc tế								
20	Rubella Vaccination Coverage Among Women of Childbearing Age in Vietnam	19	✓	International Journal of Environmental Research and Public Health (ISSN: 1660-4601)	IF=3,39 (ISI, Scopus)	3	Tập 16, số 10, trang 1741	5/2019
21	A Review of Occupational Stress among Certain Jobs in Vietnam	4	✓	Research in Health Science (ISSN 2470-6213)	ISSN 2470-6205 (Print)		Tập 3 số 4, trang 258-266	8/2019
22	Occupational Stress Among Health Worker in a National Dermatology Hospital in Vietnam, 2018	5	✓	Frontiers in Psychiatry (ISSN: 1664-0640)	IF=4,157 (ISI, Scopus)	18	Tập 10, trang 950	1/2020
23	Demand for Health Information on COVID-19 among Vietnamese	15		International Journal of Environmental Research and Public Health (ISSN: 1660-4601)	IF=3,39 (ISI, Scopus)	70	Tập 17, số 2, trang 4377	6/2020
24	Knowledge, Attitude, and Practices (KAP) on Silicosis Among High-Risk Worker Population in Five Provinces in Vietnam	14		Springer (ISSN: ISSN 2366-2565)		2	Trang 469-484	10/2020
25	Silicosis Prevalence and Associated Factors Among High-Risk Population Group in	13		Springer (ISSN: ISSN 2366-2565)		1	Trang 453-468	10/2020

	Vietnam in 2018–2019							
26	Evaluating the Psychological Impacts Related to COVID-19 of Vietnamese People Under the First Nationwide Partial Lockdown in Vietnam	20		Frontiers in Psychiatry (ISSN: 1664-0640)	IF=4,157 (ISI, Scopus) 77		Tập 11, trang 824	12/2020
27	Prevalence and Associated Factors of Hepatitis B Birth Dose Vaccination in Vietnam: Where Should we Start?	5	✓	Journal of Vaccines, Immunology and Immunopathology (ISSN: 2575-789X)	IF=0.54 (ISI, Scopus)		Tập 6, số 2 trang 162-191	4/2021
28	Psychosocial Impacts of COVID-19 on Healthcare Workers During the Nationwide Partial Lockdown in Vietnam in April 2020	17		Frontiers in Psychiatry (ISSN: 1664-0640)	IF=4,157 (ISI, Scopus) 3		Tập 12, trnag 562337	7/2021
29	Impacts of COVID-19 on the Life and Work of Healthcare Workers during the Nationwide Partial Lockdown in Vietnam	19		Frontiers in Psychology (ISSN: 1664-1078)	IF=2.9 (ISI, Scopus) 3		Tập 12, trang 563193	8/2021
30	Knowledge and Self-Protective Practices Against COVID-19 Among Healthcare Workers in Vietnam	19	✓	Frontiers in Public Health (ISSN: 2296-2565)	IF=3,709 (ISI, Scopus) 3		Tập 9, trang 658107	10/2021
31	Genotype TNF- α (-308) and Silicosis on Factory Workers	13		Inzynieria Mineralna (ISSN: 1640-4920)	IF=0,3 (ISI, Scopus)		Tập 2, số 48, Trang 459-466	12/2021

	in Vietnam in 2020							
Bài báo trong nước								
32	Thực trạng sức khỏe, bệnh tật và một số yếu tố liên quan của người lao động sản xuất supe phốt phát	2			Tạp chí Nghiên cứu Y học (ISSN: 3254-080X)		Tập 10, số 1, trang 164-171	5/2018
33	Một số bệnh đường hô hấp mạn tính của người lao động công ty cổ phần supe phốt phát và hóa chất lâm thao năm 2017	3	✓		Tạp chí Y học Việt nam (ISSN: 1859-1868)		Tập 466, số 2, trang 56-60	5/2018
34	Trầm cảm, lo âu, stress ở điều dưỡng và hộ sinh bệnh viện phụ sản trung ương năm 2017	2			Tạp chí Y học Việt nam (ISSN: 1859-1868)		Tập 466, số 2, trang 104-108	5/2018
35	Thực trạng sử dụng các công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc của người lao động làng nghề - 2018	2	✓		Tạp chí Y học Việt nam (ISSN: 1859-1868)		Tập 472, số 1, trang 96-100	11/2018
36	Một số yếu tố liên quan đến sử dụng công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc của người lao động làng nghề - 2018	3	✓		Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)		Tập 1097, trang 70-73	5/2019
37	Thực trạng công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc của một số doanh nghiệp tại một số tỉnh công nghiệp trọng điểm miền	5			Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)		Tập 1097, trang 76-79	5/2019

	Bắc nước ta năm 2017							
38	Tình trạng vệ sinh của công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc của một số doanh nghiệp tại một số tỉnh công nghiệp trọng điểm miền Bắc năm 2017	5		Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)			Tập 1097, trang 79-82	5/2019
39	Thực trạng công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc ở 5 tỉnh công nghiệp trọng điểm miền Bắc năm 2017 theo chuẩn 3733/2002/QĐ- BYT	5		Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)			Tập 1097, trang 93-96	5/2019
40	Thực trạng trầm cảm, lo âu, stress ở nữ hộ sinh Bệnh viện phụ sản Trung ương qua sàng lọc cộng đồng bằng DASS21	3	✓	Y học thực hành (ISSN: 1859-1663)			Tập 1097, trang 100- 103	5/2019
41	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động ở một nhà máy luyện gang và một số yếu tố liên quan năm 2018	9		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 478, số 1, trang 96- 99	9/2019
42	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic ở người lao động trong các ngành nghề có nguy cơ cao tại tỉnh Bình Định năm 2018	11		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 482, số 1, trang 148-151	9/2019
43	Thực trạng chấn	12		Y học dự phòng			Tập 29, số	10/2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	thương nghề nghiệp dựa trên số liệu báo cáo tại các cơ sở y tế Việt Nam năm 2017			(ISSN: 0868 – 2836.)			8, trang 51-57	
44	Đặc điểm tai nạn lao động ở nhóm lao động trẻ từ 15 đến 24 tuổi dựa trên số liệu báo cáo tại các cơ sở Y tế Việt Nam năm 2017	12		Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 29, số 8, trang 107-112	10/2019
45	Thực trạng mắc đái tháo đường ở các cơ sở làm việc hành chính thêm giờ, làm ca, năm 2014-2016	3		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 483, số 1, trang 193-198	10/2019
46	Thực trạng mắc đái tháo đường và rối loạn dung nạp glucose tại ba công ty, nhà máy nghiên cứu, năm 2014-2016.	3		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 483, số 1, trang 255-260	10/2019
47	Thực hành của người lao động tại một công ty thuộc tỉnh Hải Dương về phòng chống bệnh bụi phổi silic năm 2018	14		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 483, số 2, trang 116-119	10/2019
48	Kiến thức, thái độ về phòng chống bệnh bụi phổi silic của người lao động tại một công ty thuộc tỉnh Hải Dương năm 2018	14		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 484, số 1, trang 92-97	11/2019
49	Đặc điểm bệnh bụi phổi silic ở người lao động của một	7		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 484 số 1, trang 108-112	11/2019

	công ty sản xuất xi măng ở Hải Dương năm 2018							
50	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động ở một nhà máy luyện thép và một số yếu tố liên quan năm 2019	12		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 484, số 1, trang 163-167	11/2019
51	Chức năng hô hấp của người lao động tiếp xúc với bụi silic ở một nhà máy luyện thép ở Thái Nguyên – năm 2019	8		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 484, số 1, trang 210-214	11/2019
52	Đặc điểm chức năng hô hấp của người lao động tiếp xúc trực tiếp với bụi silic năm 2018	5	✓	Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 126, số 2, trang 117-122	5/2020
53	Thực trạng sử dụng công trình vệ sinh phúc lợi tại nơi làm việc ở một số làng nghề miền Bắc Việt Nam năm 2018	12		Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30, số 4, trang 163-169	7/2020
54	Thực trạng môi trường lao động tại nơi làm việc ở một số nhà máy của tổng công ty gang thép Thái Nguyên, năm 2019	12		Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30, số 4, trang 183-189	7/2020
55	Thực trạng bụi trong môi trường làm việc và tỷ lệ mắc bệnh bụi phổi silic ở người lao động công ty cơ khí gang thép năm 2018	11	✓	Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30 số 4, trang 198-203	7/2020

56	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic ở người lao động tại hai nhà máy luyện gang thép ở Thái Nguyên năm 2018	9			Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30 số 4 trang 205-212	7//2020
57	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic ở người lao động tiếp xúc trực tiếp với bụi silic tại một mỏ sắt tỉnh Thái Nguyên năm 2019	13			Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30, số 4, trang 213-230	7/2020
58	Đặc điểm chức năng hô hấp của người lao động trực tiếp sản xuất đá ốp lát ở Bình Định, năm 2018	10			Y học dự phòng (ISSN: 0868 – 2836.)			Tập 30, số 4, trang 221-227	7/2020
59	Đặc điểm chức năng hô hấp của người lao động trực tiếp sản xuất xi măng ở Hải Dương, năm 2019	5	✓		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 129 số 5, trang 91-86	7/2020
60	Đặc điểm các hình ảnh bất thường trên phim X-quang phổi của người lao động luyện thép tiếp xúc với bụi silic tại Thái Nguyên năm 2019	5	✓		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 129, số 5, trang 139-145	7/2020
61	Thực trạng sức khỏe người lao động tại một công ty ngành dệt may tỉnh Yên Bái năm 2018	3			Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 129, số 5, trang 193-200	7/2020
62	Kiến thức, thái độ phòng chống bệnh bụi phổi silic của người lao động tại	12			Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 132, số 8, trang 250-261	11/2020

	một số công ty tại Thái Nguyên năm 2020							
63	Đặc điểm bệnh bụi phổi silic ở bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2019-2020	7	✓	Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 77-84	8/2021
64	Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng liên quan đến bệnh đường hô hấp của người lao động mỏ than Phấn Mễ, Tỉnh Thái Nguyên, năm 2020	5		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 130-139	8/2021
65	Nghiên cứu khả năng khuếch tán khí qua màng phế nang mao mạch (DLCO) ở người lao động tiếp xúc bụi silic	7	✓	Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 214-220	8/2021
66	Thực trạng bệnh lý đường hô hấp của người lao động Công ty Xi măng Phúc Sơn, Hải Dương năm 2019	7		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 236-243	8/2021
67	Đặc điểm các hình ảnh bất thường trên phim X-Quang phổi và một số yếu tố liên quan của người lao động tiếp xúc với bụi silic tại Phú Yên năm 2020	9		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 300-307	8/2021
68	Kiến thức bệnh bụi phổi Silic của người lao động và một số yếu tố liên quan tại	10		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 329-340	8/2021

	hai công ty ở Đồng Nai năm 2020							
69	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động tại hai Công ty và một số yếu tố liên quan ở Đồng Nai năm 2020	11		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 401-409	8/2021
70	Rối loạn chức năng hô hấp của bệnh nhân bụi phổi silic tại bệnh viện phổi Trung ương năm 2020	6		Nghiên cứu y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 144, số 8, trang 417-424	8/2021
71	Thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic của người lao động trong một số công ty tại tỉnh Phú Yên năm 2019	11		Tạp chí Dược học (ISSN: 0866-7861)			Số 29, trang 28-30	9/2021
72	Thực trạng nồng độ bụi trong môi trường lao động tại 24 cơ sở sản xuất thuộc 5 tỉnh, từ năm 2018-2020	9		Y học Quân sự (ISSN: 1859-1655)			Tập 353, trang 45-49	9/2021
73	Đặc điểm nhận thức về phòng bệnh bụi phổi silic của người lao động tại 24 cơ sở sản xuất thuộc 5 tỉnh từ năm 2018-2020	12		Y học Quân sự (ISSN: 1859-1655)			Tập 353, trang 50-53	9/2021
74	Nghiên cứu đặc điểm thực hành phòng bệnh bụi phổi silic của 8.030 người lao động thuộc 5 tỉnh, từ năm 2018-2020	12		Y học Quân sự (ISSN: 1859-1655)			Tập 353, trang 54-59	9/2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

75	Kiến thức thực hành của nhân viên Y tế trực tiếp tham gia phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam năm 2020	8		Y học Quân sự (ISSN: 1859-1655)			Tập 353, trang 63-69	9/2021
76	Đặc điểm lâm sàng của bệnh nhân bụi phổi silic điều trị tại Bệnh viện Phổi Trung ương, năm 2019-2020	5	✓	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 509, số 2, trang 41-45	12/2021
77	Thực trạng tổng dung tích phổi (TLC) ở người tiếp xúc trực tiếp bụi silic trong môi trường làm việc và yếu tố liên quan	6	✓	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 509 số 2, trang 104-108	12/2021
78	Mối liên quan giữa một số đặc điểm dịch tễ học, gen TNF-A với nguy cơ mắc bệnh bụi phổi silic	5		Nghiên cứu Y học (ISSN: 3254-080X)			Tập 150, số 2, trang 202-209	3/2022
79	Các yếu tố ảnh hưởng tới sức khỏe tâm thần của điều dưỡng Bệnh viện Nhi Trung ương do dịch Covid-19, năm 2021	2	✓	Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 514, số 2, trang 107-111	5/2022
80	Tác động của dịch Covid-19 tới sức khỏe tâm thần của điều dưỡng Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2021	2		Y học Việt Nam (ISSN: 1859-1868)			Tập 514, số 2, trang 205-208	5/2022

- Trong đó: 05 (số TT: 20; 21; 22; 27 và 30) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín và là tác giả chính sau TS

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội , ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Ngọc Anh